

Thực trạng hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất ở học sinh trường Trung học phổ thông Trần Phú, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, năm 2013

Nguyễn Thị Thu Trang¹, Lê Thị Kim Ánh², Lã Ngọc Quang³,
Nguyễn Thanh Tuấn⁴, Đào Hoàng Bách⁵

Nghiên cứu "Thực trạng hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất trong học sinh trường Trung học phổ thông Trần Phú, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội" được tiến hành từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2013 nhằm mục tiêu mô tả thực trạng về hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất ở học sinh THPT trường Trần Phú và xác định các yếu tố liên quan tới thực trạng này. Nghiên cứu được thiết kế sử dụng phương pháp điều tra mô tả cắt ngang trên 392 học sinh. Ngoài ra, chúng tôi phỏng vấn sâu 5 học sinh, 1 giáo viên và hiệu trưởng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong vòng 6 tháng trước thời điểm nghiên cứu, tỷ lệ học sinh đã từng tham gia hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất là 17,1%. Học sinh nam có xu hướng thực hiện hành vi này nhiều hơn so với học sinh nữ. Những yếu tố liên quan đến hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất là không sống cùng hoặc thiếu sự hỗ trợ của bố mẹ, quan hệ gia đình không tốt, không có bạn, bạn thân có tham gia bắt nạt/bạo lực thể chất, và có các hành vi nguy cơ như: hút thuốc lá, uống rượu bia, mang vũ khí ($p < 0.05$). Khuyến nghị được đề xuất là tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường trong phòng chống bạo lực học đường.

Từ khóa: bạo lực học đường, bắt nạt học đường, yếu tố liên quan,

Physical bullying/violence among Tran Phu High School students in Hoan Kiem district, Ha Noi in 2013

Nguyen Thi Thu Trang¹, Le Thi Kim Anh², La Ngoc Quang³,
Nguyen Thanh Tuan⁴, Dao Hoang Bach⁵

This study was conducted to examine the situation of school bullying and associated factors among Tran Phu High School students in Hoan Kiem district, Ha Noi from December 2012 to June 2013. The objectives are to describe the current situation of school physical bullying among Tran Phu high school students and to describe related factors. This is a cross-sectional study with a sample of 392 high school students using a self-administered structure questionnaire. In addition, we performed in-depth interviews with six students, one teacher and the school's principal.

Study results showed that in the last 6 months, the proportion of students who had any of physical bullying behaviors was 17.1%. Male students were more likely to have these kinds of behavior than female. Associated factors of the physical bullying were lack of support from family; not good family relationship, lack of friends; involvement of close-friends in physical bullying behaviors, or having other high risk behaviors such as smoking, drinking alcohol, and carrying weapon. Recommendation is to strengthen connection between family, schools and Youth Union to reduce the aggressiveness of these behaviors.

Key words: school violence, school bullying, associated factors, Tran Phu High School

Tác giả

1. Học viên Trường Đại học Y tế Công cộng; Cán bộ Dự án Alive & Thrive, FHI 360 Việt Nam
2. Giảng viên Bộ môn Thống kê - Dịch tễ Trường Đại học Y tế Công cộng
3. Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Giảng viên Bộ môn Thống kê - Dịch tễ Trường Đại học Y tế Công cộng
4. Chuyên gia Theo dõi và Giám sát, Dự án Alive & Thrive Việt Nam; Cán bộ Thông tin Chiến lược, FHI 360 Việt Nam
5. Cán bộ Thông tin Chiến lược, FHI 360 Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Bất nạt/bạo lực thể chất trong lứa tuổi học đường, tuy không phải là một vấn đề mới, nhưng dường như đang có xu hướng ngày càng gia tăng tại Việt Nam. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong năm 2011-2012, toàn quốc đã xảy ra khoảng gần 1.600 vụ việc học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học[3]. Tình trạng lập băng nhóm và đánh nhau có sự tham gia của các đối tượng bên ngoài trường học hay tổ chức đánh nhau thành từng nhóm có hung khí cũng ngày càng phổ biến, đặc biệt nguy hiểm là án mạng trong lứa tuổi học đường đã xảy ra ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước[3].

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bất nạt/bạo lực thể chất ở học sinh, nhưng nhìn chung, các kết quả nghiên cứu cho thấy bạo lực xuất phát từ những vấn đề liên quan đến tâm lý học sinh, sự giáo dục từ gia đình và nhà trường, cũng như những ảnh hưởng từ cộng đồng và môi trường xã hội[2, 13]. Những đối tượng có hành vi bất nạt/bạo lực bao gồm cả lứa tuổi tiểu học cho tới trung học và thậm chí ở những bậc học cao hơn. Tuy nhiên, vấn đề này đặc biệt nghiêm trọng ở nhóm học sinh trung học phổ thông (THPT)[18] Kết quả nghiên cứu về hành vi bất nạt/bạo lực thể chất của tác giả Vũ Thị Tranh

cho thấy ở trường THPT Kim Liên, tỷ lệ học sinh nam có thực hiện hành vi bạo lực học đường là 46,6% và ở học sinh nữ là 23,4% [4].

Hoàn Kiếm là một trong những quận trung tâm, có số lượng học sinh THPT cao so với các quận nội thành Hà Nội. Kết quả đánh giá nhanh trên các đối tượng học sinh, giáo viên và người dân tại các khu vực lân cận một số trường cấp 3 trên địa bàn quận đã cho thấy hành vi bất nạt/bạo lực thể chất thực sự là một vấn đề đáng được quan tâm. Tuy nhiên, những con số, thông tin thu thập được từ việc đánh giá nhanh là chưa đủ để đưa ra kết luận cho thực trạng bất nạt/bạo lực thể chất và các yếu tố liên quan tại đây. Việc phân tích các yếu tố nguy cơ dẫn đến hành vi bạo lực sẽ giúp chúng ta định hướng được những can thiệp hiệu quả nhằm ngăn chặn vấn nạn bạo lực. Bài báo này nhằm mục tiêu mô tả thực trạng về hành vi bất nạt/bạo lực thể chất của học sinh THPT trường Trần Phú và xác định các yếu tố liên quan tới thực trạng này.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang phân tích kết hợp phương pháp định lượng và định tính được triển khai từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 6 năm 2013. Cấu phần định lượng sử dụng hình thức phát vấn trên 470

học sinh. Phương pháp ngẫu nhiên hệ thống được sử dụng để chọn ra 10 cụm (lớp) và toàn bộ số học sinh của các lớp này được đưa vào danh sách mẫu. Có 38 em từ chối tham gia nghiên cứu, và 40 phiếu trả lời không hợp lệ nên tổng số đối tượng của cấu phần định lượng là 392 học sinh. Cấu phần định tính sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu với 06 học sinh, 01 đại diện giáo viên chủ nhiệm và 01 đại diện Ban Giám Hiệu nhà trường. Học sinh được chọn là những bạn có lịch sử liên quan tới bạo lực học đường và giáo viên chủ nhiệm về những quan điểm, giải pháp can thiệp phòng chống bạo lực học đường.

Bạo lực học đường được hiểu là bạo lực giữa các học sinh với nhau, không đề cập tới hành vi bạo lực giữa giáo viên với học sinh. Bạo lực học đường được chia làm bốn nhóm: Bắt nạt/bạo lực thể chất; bắt nạt/bạo lực bằng lời nói; bắt nạt/bạo lực mối quan hệ xã hội; và bắt nạt/bạo lực điện tử. Tuy nhiên trong khuôn khổ nghiên cứu này, tác giả chỉ đề cập tới hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất ở nhóm học sinh THPT trường Trần Phú. Hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất được định nghĩa là khi một học sinh thực hiện một trong các hành vi như đánh, đấm, đá, đẩy, tát, dứt tóc, kéo tai, xé quần áo hoặc trấn lột tiền/đồ vật của một hoặc nhiều học sinh khác. Những yếu tố liên quan tới hành vi bạo lực được nghiên cứu là đặc điểm về gia đình, bạn bè, trường học, và các hành vi nguy cơ của học sinh như uống rượu, hút thuốc, và mang vũ khí. Một số thang đo về các mối quan hệ trong gia đình, sự hỗ trợ của bố mẹ và thang đo về mức độ yêu thích trường học được sử dụng. Mỗi thang đo bao gồm 4 tiểu mục, các tiểu mục được đánh giá theo thang Likert với các lựa chọn từ 1 (rất đồng ý) tới 5 (rất không đồng ý). Các thang đo đều được đánh giá mức độ phù hợp qua hệ số Cronbach's alpha. Kết quả cho thấy, giá trị Cronbach's alpha của các thang đo về mối quan hệ trong gia đình, sự hỗ trợ của bố mẹ, và mức độ yêu thích trường học lần lượt là 0,82; 0,62; và 0,76. Trung bình tổng điểm của 4 tiểu mục được dùng làm ngưỡng cắt cho đánh giá mức độ tốt xấu của từng thang đo. Các phương pháp phân tích mô tả, kiểm định Khi bình phương được sử dụng để mô tả và xác định các yếu tố liên quan đến việc thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực và tình trạng bị bắt nạt/bạo lực học đường ở học sinh với mức ý nghĩa 5%.

3. Kết quả nghiên cứu

Trong tổng số 392 học sinh tham gia nghiên

cứu, có 191 nam (48,7%) và 201 nữ (51,3%). Độ tuổi của học sinh phân bố đồng đều giữa các nhóm 16, 17, và 18 tuổi. Tỷ lệ xếp loại học lực từ khá trở lên chiếm 85,5% và có hơn 95% học sinh có mức hạnh kiểm từ khá trở lên. Hầu hết học sinh đều đang sống cùng cả bố và mẹ (90,3%). Ngoài ra, có 15,0% đối tượng là con một trong gia đình, 33,6% là con cả, tiếp đến là con thứ 27,1% và con út 24,3%. Trong nghiên cứu này, tỷ lệ phụ huynh học sinh có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên là khá cao (trên 90%), và phần lớn phụ huynh đều có nghề nghiệp ổn định như công chức nhà nước, kinh doanh/buôn bán (trên 60%).

Bảng 1. Thực trạng chung về hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất tại trường Trần Phú

Hình thức	Tần số (n=392)	Tỷ lệ
Thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất chung	67	17,1%
Đánh, đấm, đá, đẩy, tát, dứt tóc, kéo tai, xé quần áo bạn	62	15,8%
Trấn lột tiền/đồ vật của bạn	36	9,2%
Địa điểm xảy ra các vụ bắt nạt/bạo lực thể chất		
Trong lớp	150	38,3%
Nhà vệ sinh	119	30,4%
Hành lang	65	16,6%
Sân trường	88	22,4%
Ngoài trường học	212	54,1%

Bảng 1 cho thấy, tỷ lệ học sinh THPT đã từng tham gia bạo lực học đường chung là 17,1%. Trong đó, có 15,8% đối tượng nghiên cứu đã từng có một trong các hành vi "đánh, đấm, đá, đẩy, tát, dứt tóc, kéo tai, xé quần áo bạn" và có 9,2% đã từng có hành vi "trấn lột tiền/đồ vật của bạn". Tuy nhiên, mức độ của các hành vi này thường không quá nghiêm trọng, "nhiều khi chỉ là một vài xô xát trong các tiết thể dục hoặc tập quân sự" (nam, học sinh); hoặc "có khi vài ba bạn nam xúm nhau bế một bạn nữ thả vào thùng rác, nhưng đấy chỉ một trò đùa ác ý" (nữ, học sinh). Địa điểm phổ biến nhất thường xảy ra các vụ bạo lực thể chất là ở ngoài trường học (54,1%). Còn trong khuôn viên nhà trường, lớp học là nơi hay xảy ra các vụ bắt nạt/bạo lực thể chất nhất (38,3%), tiếp đó tới nhà vệ sinh (30,4%), sân trường (22,4%), và cuối cùng là hành lang (16,6%). Kết quả được ủng hộ bởi kết quả định tính. Khi được hỏi về địa điểm hay xảy ra các vụ bắt nạt/bạo lực thể chất, một nữ giáo viên chủ nhiệm cho biết: "Bạo lực về thể chất mà dẫn đến mức độ đánh nhau thì

thầy cô rất khó phát hiện ra vì nó thường ở hẳn bên ngoài, chứ trong trường thì gần như là không có" (nữ, giáo viên). Trong khi đó khi được hỏi, một học sinh cho biết "các vụ đánh nhau trong lớp đóng cửa lại không ai biết" (nam, học sinh).

Bảng 2. Thực trạng việc thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất theo các đặc điểm chung của học sinh (n=392)

Đặc tính	N	Có thực hiện	Tỷ lệ	p	
Giới tính	Nam	191	49	25,7%	<0,001
	Nữ	201	18	9,0%	
Lớp	Lớp 10	127	25	19,7%	0,11
	Lớp 11	139	17	12,3%	
	Lớp 12	126	25	19,8%	
Kết quả học tập	Giỏi/Xuất sắc	144	21	14,8%	0,35
	Yếu/Trung bình/Khá	248	46	18,5%	
Hành kiểm	Tốt	340	54	16,0%	0,20
	Yếu/Trung bình/Khá	52	12	23,1%	

Bảng 2 cho thấy có sự khác biệt lớn giữa tỷ lệ thực hiện hành vi bắt nạt ở học sinh nam (25,7%) và học sinh nữ (9,0%). So sánh giữa các khối lớp, lớp 11 là nhóm lớp có tỷ lệ bắt nạt/bạo lực thể chất ít nhất (12,3%). Học sinh có kết quả học tập giỏi và xuất sắc có tỷ lệ thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất với bạn mình thấp hơn so với nhóm học sinh có kết quả học tập từ khá trở xuống (14,8% so với 18,5%).

Bảng 3. Thực trạng việc thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất theo các đặc điểm về gia đình của học sinh (n=392)

Đặc tính	n	Có thực hiện	Tỷ lệ	p	
Hiện sống với cả bố và mẹ	Có	354	58	16,4%	0,26
	Không	38	9	23,7%	
Là con thứ	Con cả/một	190	27	14,4%	0,21
	Con thứ/ít	202	39	19,1%	
Quan hệ gia đình	Không tốt	177	38	21,5%	0,04
	Tốt	215	29	13,5%	
Hỗ trợ của bố mẹ	Thấp	267	54	20,2%	0,02
	Cao	125	13	10,4%	

Bảng 3 cho thấy có một số mối liên quan giữa đặc điểm về gia đình với hành vi bắt nạt/bạo lực thể

chất. Học sinh sống trong gia đình có mối quan hệ tốt giữa các thành viên thể hiện có ít hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất hơn so với nhóm sống trong gia đình có mối quan hệ không tốt. Tác giả cũng tìm ra sự khác biệt giữa nhóm nhận được sự hỗ trợ thấp (20,2%) so với nhóm nhận được sự hỗ trợ cao từ bố mẹ (10,4%). Các sự khác biệt trên đều có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Nhận định này cũng được ủng hộ bởi kết quả định tính: "có một nhóm mà bố mẹ quá lo đến cuộc sống dẫn đến thiếu quan tâm tới những nhu cầu và sự phát triển tính cách của trẻ nên không nhận ra được những thay đổi về tâm sinh lý lứa tuổi của nó để kịp thời hỗ trợ và uốn nắn, thì cũng sẽ là rất dễ có những hành vi lệch chuẩn" (nữ, giáo viên)

Bảng 4. Thực trạng việc thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất theo các đặc điểm về trường học và bạn bè (n=392)

Đặc tính	n	Có thực hiện	Tỷ lệ	p
Mức độ thích môi trường ở trường học				
Cao	345	55	15,9%	0,10
Thấp	47	12	25,5%	
Chơi với một nhóm bạn				
Có	370	63	16,9%	0,42
Không	22	5	23,8%	
Bạn thân				
Có	353	54	15,3%	0,005
Không	39	13	33,3%	
Bạn thân có tham gia bạo lực học đường				
	43	17	39,5%	<0,001
Có	218	8	3,7%	
Không	92	19	20,7%	
Không biết				

Kết quả ở bảng 4 cũng chỉ ra sự khác biệt giữa nhóm học sinh có và không có bạn thân về hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất. Có 15,3% học sinh có bạn thân từng thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất trong vòng 6 tháng qua, trong khi đó, tỷ lệ này ở nhóm không có bạn thân là 33,3%. Ngoài ra, tỷ lệ thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất là 39,5% ở nhóm có bạn thân tham gia bạo lực và 3,7% ở nhóm có bạn thân không tham gia bạo lực học đường. Nhận xét về tác động từ phía bạn bè, ý kiến của một giáo viên cho rằng "Bao giờ trẻ con ở cái lứa tuổi này ảnh hưởng của bạn bè cũng là rất lớn, có lẽ là bạn nói đối với nó còn hơn cái tiếng nói của bố mẹ hay thầy cô đối với nó".

Bảng 5 cho thấy có mối liên quan giữa hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất và các hành vi nguy cơ như

Bảng 5. Thực trạng việc thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất theo các hành vi nguy cơ của học sinh (n=392)

Đặc tính	N	Có thực hiện	Tỷ lệ	p
Đã từng hút hết 1 điếu thuốc lá				
Đã từng	33	19	57,6%	<0,001
Chưa hút hết	24	6	25,0%	
Chưa bao giờ hút	335	42	12,5%	
Đã từng uống hết 1 cốc bia/rượu				
Đã từng	201	53	26,4%	<0,001
Chưa uống hết	75	7	9,3%	
Chưa uống bao giờ	116	7	6,0%	
Đã từng say rượu/bia				
Có	89	34	38,2%	<0,001
Không	303	33	10,9%	
Mang vũ khí				
Có	49	28	57,1%	<0,001
Không	343	39	11,4%	
Bị chấn thương do người nhà đánh				
Có	85	34	40,0%	<0,001
Không	307	33	10,8%	
Từng nghĩ đến chuyện tự tử				
Có	101	22	21,8%	0,15
Không	291	45	15,5%	
Từng bị bắt nạt/bạo lực thể chất				
Có	77	30	39,0%	<0,001
Không	315	37	11,8%	

hút thuốc lá, uống rượu bia, mang vũ khí. Đối với hành vi hút thuốc lá, tỷ lệ bắt nạt/bạo lực thể chất ở những học sinh đã từng hút hết 1 điếu thuốc lá là 57,6%, cao hơn nhiều so với nhóm chưa hút hết 1 điếu (25,0%) và chưa bao giờ hút (12,5%). Tỷ lệ bắt nạt/bạo lực thể chất tăng dần theo các nhóm từ chưa bao giờ uống rượu bia (6,0%) cho đến uống nhưng chưa hết một cốc (9,3%) và đã từng uống rượu bia (26,4%). Ngoài ra, nhóm học sinh từng bị chấn thương do người nhà đánh có xu hướng thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất nhiều hơn nhóm chưa từng bị chấn thương (tỷ lệ lần lượt là 40,0% và 10,8%). Nhóm học sinh đã từng bị bắt nạt/bạo lực thể chất có xu hướng thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất nhiều hơn nhóm chưa từng bị bắt nạt (tỷ lệ lần lượt là 39,0% và 11,8%). Tất cả các sự khác biệt trên đều có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$.

Bàn luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, hai địa điểm phổ biến nhất thường xảy ra các vụ bạo lực là ngoài trường học (54,1%) và trong lớp học (38,3%). Kết quả này khá tương đồng với kết quả của Kepenekci - hai nơi phổ biến nhất hay xảy ra các vụ bạo lực là trong lớp học và ngoài trường học; trên đường tới

trường[6]. Lý giải cho hiện tượng này, Trần Phú là một trong những trường điểm của thành phố Hà Nội, Ban Giám Hiệu nhà trường có hệ thống quy định chặt chẽ và kỷ luật nghiêm ngặt liên quan đến việc nghiêm cấm các hành vi bạo lực diễn ra trong khuôn viên nhà trường. Do đó, các vụ việc bắt nạt/bạo lực có xu hướng diễn ra ở bên ngoài cổng trường, sau giờ tan học, hoặc trong lớp học kín để tránh sự giám sát của các lực lượng giáo viên trong trường.

Tỷ lệ học sinh có thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất trong vòng 6 tháng trước thời điểm nghiên cứu là 25,7% ở nam, cao gần gấp 3 lần so với 9,0% ở nữ. Tỷ lệ này cao hơn so với kết quả nghiên cứu của J. Wang trên các học sinh Mỹ (tương ứng ở nam là 18,1% và ở nữ là 8,8%)[12] và thấp hơn so với kết quả của Kepenekci trên các học sinh ở Thổ Nhĩ Kỳ (tương ứng ở nhóm nam là 41,4% và nữ là 28,8%)[6]. Tuy nhiên J. Wang đặt câu hỏi về hành vi này của các học sinh trong vòng 2 tháng trước thời điểm nghiên cứu, và Kepenekci hỏi về hành vi này của các học sinh trong cả năm học trước. Ngoài sự khác biệt về văn hoá, địa lý ra, sự khác biệt về khoảng thời gian hỏi cho hành vi này có thể là nguyên nhân dẫn tới sự chênh lệch trên.

Xem xét vai trò của yếu tố gia đình đối với việc thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất ở học sinh, kết quả cho thấy nhóm học sinh sống trong môi trường gia đình không hòa thuận, hoặc ít được sự hỗ trợ từ phía gia đình thường có xu hướng thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực cao hơn so với những em sống trong gia đình có mối quan hệ tốt và được bố mẹ quan tâm hỗ trợ nhiều. Xu hướng tương tự cũng được chỉ ra ở một số nghiên cứu khác[5,9], và đồng thời được ủng hộ bởi kết quả định tính, rằng việc cha mẹ thiếu sự quan tâm đối với trẻ có thể dẫn đến không nắm bắt được nhu cầu và sự phát triển tính cách của trẻ để kịp thời hỗ trợ và uốn nắn các em tránh xa những hành vi lệch chuẩn.

Đối với các đặc điểm về bạn bè và trường học, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng những học sinh có bạn thân từng tham gia vào bạo lực học đường có tỷ lệ thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất cao hơn hẳn những em không chơi với bạn thân có tham gia bạo lực (39,5% so với 3,7%). Xu hướng này có thể được lý giải một phần thông qua kết quả từ nghiên cứu định tính, do đặc thù những cá thể có nhiều đặc tính tương đồng với nhau thường tập hợp và chơi với nhau thành nhóm bạn thân, nên việc bạn thân có

tham gia bạo lực cũng có thể là một yếu tố thúc đẩy hành vi bắt nạt/bạo lực nói chung và bắt nạt/bạo lực thể chất nói riêng.

Các hành vi nguy cơ như hút thuốc lá, uống rượu bia và mang vũ khí được chỉ ra là có mối liên quan chặt chẽ tới việc thực hiện hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất ở đối tượng, trong đó, tỷ lệ bắt nạt/bạo lực thể chất đều cao hơn ở nhóm học sinh từng hút thuốc lá, uống rượu bia hay mang vũ khí so với nhóm học sinh chưa từng có những hành vi này. Kết quả này được ủng hộ bởi nhiều nghiên cứu khác trên đối tượng thanh niên và vị thành niên [7, 10, 11]. Bên cạnh đó, trong bối cảnh tại trường Trần Phú, kết quả phỏng vấn định tính cũng cho thấy hành vi uống rượu bia và hút thuốc là khá phổ biến ở các em học sinh, thường tập trung ở các buổi liên hoan, tụ tập của riêng học sinh với nhau (liên hoan sau các buổi mít tinh, tổng kết lớp, liên hoan chia tay, sinh nhật). Đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng gây gổ, bạo lực về thể chất bởi khi sử dụng chất kích thích như vậy, các em thường khó làm chủ bản thân cũng như kiểm soát hành vi của mình, dẫn tới xô xát.

Nghiên cứu này còn tồn tại một số điểm hạn chế, Bạo lực học đường nói chung và bắt nạt/bạo lực thể chất nói riêng là một vấn đề mang tính chất nhạy cảm, liên quan đến đạo đức của học sinh. Do đó, có khả năng sẽ xảy ra trường hợp các em không cởi mở cung cấp thông tin hoặc cung cấp không chính xác.

Có rất nhiều các yếu tố như yếu tố về sinh học

hay các yếu tố về môi trường xã hội có liên quan đến hành vi bạo lực ở học sinh. Tuy nhiên, nghiên cứu này mới đề cập, khu trú vào một số nhóm yếu tố cá nhân cũng như mạng lưới xã hội phổ biến và quan trọng..

Tóm lại, tỷ lệ học sinh từng thực hiện ít nhất một hành vi bắt nạt/bạo lực về thể chất trong vòng 6 tháng trước thời điểm nghiên cứu là 17,1%. Những yếu tố liên quan đến hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất là không sống cùng hoặc thiếu sự hỗ trợ của bố mẹ, quan hệ gia đình không tốt, không có bạn, bạn thân có tham gia bạo lực học đường, và có các hành vi nguy cơ như: hút thuốc lá, uống rượu bia, mang vũ khí.

Do hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất có liên quan đến các yếu tố về gia đình, bạn bè, trường học và bản thân học sinh, để làm giảm tỷ lệ này cần phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường. Giáo viên, phụ huynh, Đoàn Thanh niên cần tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động nội ngoại khóa để nâng cao sự đoàn kết giữa học sinh và tạo môi trường lành mạnh giúp các em tránh xa các hành vi nguy cơ.

Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ và hợp tác của Ban Giám hiệu, tập thể giáo viên và học sinh trường THPT Trần Phú, đặc biệt trân trọng cảm ơn cô Vũ Phương Mai - giáo viên chủ nhiệm lớp 12A6 đã nhiệt tình giúp đỡ nhóm tác giả hoàn thành nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), "Báo cáo thực trạng, nguyên nhân, và giải pháp khắc phục tình trạng học sinh đánh nhau".
2. Hoàng Bá Thịnh (2009), Bạo lực học đường: Một vấn đề xã hội hiện nay. Kỷ yếu hội thảo quốc tế về nhu cầu, định hướng, và đào tạo tâm lý học đường tại Việt Nam.
3. Phan Thanh Đàm (2010), Hội thảo giải pháp phòng ngừa từ xa và ngăn chặn tình trạng học sinh đánh nhau: Giải pháp tăng cường phối hợp giữa lực lượng công an cơ sở và bạo lực trong và ngoài trường học.
4. Vũ Thị Tranh (2007), Bạo lực học đường: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng Anh

5. Farrington D P (1998), Predictors, causes, and correlates of male youth violence, University of Chicago, p. 421-475.
6. KepenekciYasenin Karaman and Sakir Cinkir (2005), "Bullying among Turkish high school students", Child Abuse & Neglect. 30(2006), p. 193-204.

7. LuukkonenA. H. et al (2010), "Bullying behaviour and substance abuse among underage psychiatric inpatient adolescents", Eur Psychiatry. 25(7), p. 382-9.
8. National Center for Education Statistics (2011), Crime, Violence, Discipline, and Safety in U.S. Public Schools: Findings From the School Survey on Crime and Safety: 2009-10.
9. PapanikolaouMaria, Thomai Chatzikosma and Koutra Kleio (2011), "Bullying at School: The role of family", Procedia - Social and Behavioral Sciences. 29, p. 433-442.
10. Radliff K. M. et al (2012), "Illuminating the relationship between bullying and substance use among middle and high school youth", Addict Behav. 37(4), p. 569-72.
11. ShetgiriRashmi, Hua Lin and Glenn Flores (2012), "Identifying children at risk for being bullies in the United States", Academic Pediatrics. 12(6), p. 509-522.
12. WangJing, Ronald J Iannotti and Tonja R Nansel (2009), "School bullying among adolescents in the United States: Physical, Verbal, Relational, and Cyber", Journal of Adolescent Health. 45(2009), p. 368-375.
13. WHO (2002), World report on violence and health: Youth violence.